UBND TỈNH QUẢNG NINH
CÔNG TY TNHH MỘT THÀNH VIÊN THỦY LỢI ĐÔNG TRIỀU

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Số: 233/QĐ-CT

Đông Triều, ngày 20 tháng 11 năm 2024

QUYẾT ĐỊNH
Về việc phê duyệt Quỹ tiền lương , thù lao thực hiện của công ty năm 2023.

CHỦ TỊCH CÔNG TY TNHH MTV THỦY LỢI ĐÔNG TRIỀU

Căn cứ Bộ Luật Lao động số 45/2019/QH14 ngày 20 tháng 11 năm 2019 của Quốc hội nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam;

Căn cứ Quyết định số 6025/QĐ-STC ngày 14/11/2024 của Sở Tài chính về việc phê duyệt quyết toán kinh phí đặt hàng cung cấp sản phẩm dịch vụ công ích thủy lợi năm 2023 giữa Sở Nông nghiệp và PTNT và công ty TNHH MTV thủy lợi Đông Triều;

Căn cứ Biên bản thanh lý hợp đồng số 01/2023/TL-HĐ ngày 31/12/2023 giữa công ty cổ phần 397 và công ty TNHH MTV thủy lợi Đông Triều.

Xét đề nghị tại Tờ trình số 702/TTr-GĐ ngày 14/11/2024, của Giám đốc Công ty Về việc xin phê duyệt Quỹ tiền lương, thù lao thực hiện của công ty năm 2023.

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Phê duyệt Quỹ tiền lương, thù lao thực hiện của công ty năm 2023 với tổng số tiền là **10.669.671.192** đồng.

(Mười tỷ, sáu trăm sáu mươi chín triệu, sáu trăm bảy mươi mốt nghìn, một trăm chín mươi hai đồng.)

(*Số liệu chi tiết theo Tờ trình* 702/TTr-GĐ ngày 14/11/2024 *của Giám đốc Công ty)*

Điều 2. Giao cho Phòng Tài chính – Kế hoạch tổng hợp, thanh toán theo đúng quy định hiện hành.

Điều 3. Ban Giám đốc; các phòng: Tổ chức- Hành chính, Tài chính – Kế hoạch, Kỹ thuật- Tư vấn, Quản lý nước – QL công trình; đội thi công – sửa chữa; các Cụm Thủy nông thuộc Công ty và các đơn vị có liên quan căn cứ Quyết định thi hành./.

Nơi nhận:
- Như Điều 3;
- Lưu Công ty.

CHỦ TỊCH CÔNG TY

M.S.D.N: 5700102341 CÔNG TY TRÁCH NHIỆM HỮU HẠN MỘT THÀNH VIÊN THỦY LỢI ĐÔNG TRIỀU QUẢNG NINH TP. ĐÔNG TRIỀU - QUẢNG NINH

Đặng Văn Tuyên

UBND TỈNH QUẢNG NINH
CÔNG TY TNHH MỘT THÀNH VIÊN THUỶ LỢI ĐÔNG TRIỀU

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Số: 702/TTr- GĐCT

Đông Triều, ngày 19 tháng 11 năm 2024

TỜ TRÌNH
Về việc xin phê duyệt Quỹ tiền lương , thù lao thực hiện của công ty năm 2023.

Kính gửi: Chủ tịch Công ty TNHH một thành viên thủy lợi Đông Triều.

Căn cứ Bộ Luật Lao động số 45/2019/QH14 ngày 20 tháng 11 năm 2019 của Quốc hội nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam;

Căn cứ các Nghị định của Chính phủ: Số 51/2016/NĐ-CP ngày 13/6/2016 về việc quy định quản lý lao động, tiền lương và tiền thưởng đối với người lao động làm việc trong công ty TNHH MTV do Nhà nước nắm giữ 100% vốn điều lệ; số 52/2016/NĐ-CP ngày 13/6/2016 về việc quy định tiền lương, thù lao, tiền thưởng đối với người quản lý công ty trách nhiệm hữu hạn một thành viên do Nhà nước nắm giữ 100% vốn điều lệ; số 145/2020/NĐ-CP ngày 14/12/2020, quy định chi tiết và hướng dẫn thi hành một số điều của Bộ Luật Lao động về điều kiện lao động và quan hệ lao động;số 21/2024/NĐ-CP ngày 23/02/2024 về việc sửa đổi bổ sung một số điều của Nghị định 51/2016/NĐ-CP và Nghị định số 52/2016/NĐ-CP;

Căn cứ Thông tư liên tịch số 11/2005/TTLT-BNV-BLĐTBXH-BTC-UBDT ngày 05/01/2005, của Bộ Nội vụ- Bộ Lao động- Thương binh và Xã hội, Bộ Tài chính và Ủy ban Dân tộc hướng dẫn thực hiện trợ cấp khu vực;

Căn cứ các Thông tư của Bộ Lao động- Thương binh và Xã hội: Số 22/2008/TT-BLĐTBXH ngày 15/10/2008, hướng dẫn thực hiện chế độ ăn giữa ca trong các công ty Nhà nước; số 26/2016/TT- BLĐTBXH ngày 01/9/2016 hướng dẫn thực hiện quản lý lao động, tiền lương và tiền thưởng đối với người lao động trong công ty trách nhiệm hữu hạn một thành viên do Nhà nước nắm giữ 100% vốn điều lệ; số 27/2016/TT-BLĐTBXH ngày 01/9/2016 hướng dẫn thực hiện chế độ tiền lương, thù lao, tiền thưởng đối với người quản lý công ty trách nhiệm hữu hạn một thành viên do Nhà nước nắm giữ 100% vốn điều lệ; số 06/2024/TT-BLĐTBXH ngày 30/7/2024 về việc sửa đổi bổ sung một số điều của Thông tư số 26/2016/TT- BLĐTBXH và Thông tư số 27/2016/TT-BLĐTBXH;

Căn cứ Hợp đồng số 29/2023/HĐ-KT ngày 26/12/2023 giữa Sở Nông nghiệp & Phát triển nông thôn Quảng Ninh với Công ty TNHH MTV thủy lợi Đông Triều "Về việc đặt hàng công tác quản lý, khai thác công trình thủy lợi cung cấp sản phẩm, dịch vụ công ích thủy lợi năm 2023 đối với Công ty TNHH MTV Thủy Lợi Đông Triều;

Căn cứ Hợp đồng số 01/2023/HĐKT/CT397-TLĐT về việc quản lý vận hành, khai thác hệ thống trạm bơm tưới Đầm Trũng, xã Hồng Thái Tây, thị xã Đông Triều năm 2023;

Căn cứ Quyết định số 6025/QĐ-STC ngày 14/11/2024 của Sở Tài chính về việc phê duyệt quyết toán kinh phí đặt hàng cung cấp sản phẩm dịch vụ công ích thủy lợi năm 2023 giữa Sở Nông nghiệp và PTNT và công ty TNHH MTV thủy lợi Đông Triều.

Căn cứ Biên bản thanh lý hợp đồng số 01/2023/TL-HĐ ngày 31/12/2023 giữa công ty cổ phần 397 và công ty TNHH MTV thủy lợi Đông Triều.

Giám đốc Công ty kính trình Chủ tịch Công ty TNHH MTV Thủy lợi Đông Triều xem xét, quyết định phê duyệt Quỹ tiền lương, thù lao thực hiện năm 2023 của công ty, cụ thể như sau:

Tổng quỹ tiền lương, thù lao thực hiện năm 2023 là **10.669.671.192** đồng

(Mười tỷ, sáu trăm sáu mươi chín triệu, sáu trăm bảy mươi mốt nghìn, một trăm chín mươi hai đồng.)

Trong đó:

1. Quỹ tiền lương, thù lao của hoạt động dịch vụ công ích là :10.099.067.000 đồng

- Quỹ tiền lương, thù lao của Người quản lý, Kiểm soát viên: 1.046.640.000 đồng
- Quỹ tiền lương của Người lao động : 9.052.427.000 đồng

2. Quỹ tiền lương của hoạt động Đầm Trũng là : 570.604.192 đồng

- Quỹ tiền lương của Người quản lý : 62.949.217 đồng
- Quỹ tiền lương của Người lao động : 507.654.975 đồng

(Kèm theo phụ lục đính kèm)

Giám đốc Công ty kính đề nghị Chủ tịch Công ty TNHH MTV Thuỷ lợi Đông Triều xem xét, quyết định làm cơ sở để triển khai các bước tiếp theo./.

Nơi nhận:
- Như kính gửi;
- Lưu Công ty.

GIÁM ĐỐC

M.S.D.N: 5700102341
CÔNG TY TRÁCH NHIỆM HỮU HẠN MỘT THÀNH VIÊN THỦY LỢI ĐÔNG TRIỀU QUẢNG NINH
TP. ĐÔNG TRIỀU - T. QUẢNG NINH

Vũ Minh Thành

CÔNG TY TNHH MTV THỦY LỢI ĐÔNG TRIỀU

PHÒNG TÀI CHÍNH - KẾ HOẠCH

BẢNG TỔNG HỢP QUỸ TIỀN LƯƠNG, THÙ LAO THỰC HIỆN CÔNG TY NĂM 2023

STT	Nội dung	Quỹ tiền lương, thù lao theo hợp đồng	Quỹ tiền lương, thù lao thực hiện được phê duyệt quyết toán	Ghi chú
1	2	3	4	5
I	**DỊCH VỤ CÔNG ÍCH**	**10.100.370.000**	**10.099.067.000**	
1	Người quản lý công ty	1.046.640.000	1.046.640.000	
2	Người lao động	9.053.730.000	9.052.427.000	
II	**ĐẦM TRŨNG**	**598.125.207**	**570.604.192**	
1	Người quản lý công ty	65.985.343	62.949.217	
2	Người lao động	532.139.864	507.654.975	
	Tổng cộng	**10.698.495.207**	**10.669.671.192**	

Đông Triều, ngày 19 tháng 11 năm 2024

NGƯỜI LẬP BIỂU	KẾ TOÁN TRƯỞNG	GIÁM ĐỐC CÔNG TY
Nguyễn Thị Thanh Huyền	Nguyễn Thị Kim Loan	Vũ Minh Thành

M.S.D.N: 5700102341 CÔNG TY TRÁCH NHIỆM HỮU HẠN MỘT THÀNH VIÊN THỦY LỢI ĐÔNG TRIỀU QUẢNG NINH TP. ĐÔNG TRIỀU - T. QUẢNG NINH

CÔNG TY TNHH MTV THỦY LỢI ĐÔNG TRIỀU

PHÒNG TÀI CHÍNH - KẾ HOẠCH

BẢNG QUYẾT TOÁN TIỀN LƯƠNG CÒN LẠI CỦA NGƯỜI QUẢN LÝ CÔNG TY NĂM 2023

ĐVT: đồng

SỐ TT	HỌ VÀ TÊN	CHỨC DANH QUẢN LÝ	SỐ CÔNG LÀM VIỆC TRONG NĂM	TIỀN LƯƠNG ĐƯỢC PHÊ DUYỆT QUYẾT TOÁN	TRONG ĐÓ		TIỀN LƯƠNG ĐÃ TẠM Ứng	TIỀN LƯƠNG CÒN LẠI THEO NGÀY CÔNG THỰC TẾ	TIỀN LƯƠNG CÒN LẠI ĐƯỢC HƯỞNG	GHI CHÚ
					DỊCH VỤ CÔNG ÍCH	DỊCH VỤ ĐẢM TRÙNG				
1	2	3	4	5=6+7	6	7	11=12+13	14=15+16	19	9
I	**Người quản lý công ty**		**1.315**	**1.070.949.217**	**1.008.000.000**	**62.949.217**	**751.077.802**	**169.008.452**	**150.862.963**	
1	Đặng Văn Tuyên	Chủ tịch công ty	312	240.963.574	226.800.000	14.163.574	197.043.360	46.413.115	41.992.784	
2	Vũ Minh Thành	Giám đốc	312	232.038.997	218.400.000	13.638.997	190.024.690	44.414.879	40.437.495	
3	Vũ Văn Tòng	Phó giám đốc	67	205.265.267	193.200.000	12.065.267	36.351.723	9.094.599		
4	Nguyễn Hải Hà	Phó giám đốc	312	205.265.267	193.200.000	12.065.267	172.017.256	35.371.594	35.771.630	
5	Nguyễn Văn Kiên	Kế toán trưởng	312	187.416.113	176.400.000	11.016.113	155.640.773	33.714.264	32.661.054	
II	**Kiểm soát viên**			**38.640.000**	**38.640.000**	**-**	**16.100.000**	**-**	**22.540.000**	
1	Nguyễn Thị Hồng Thao	KSV KCT		38.640.000	38.640.000		16.100.000	-	22.540.000	
Tổng cộng				**1.109.589.217**	**1.046.640.000**	**62.949.217**	**767.177.802**	**169.008.452**	**173.402.963**	

NGƯỜI LẬP BIỂU	KẾ TOÁN TRƯỞNG	CHỦ TỊCH CÔNG TY
Nguyễn Thị Thanh Huyền	Nguyễn Thị Kim Loan	Đặng Văn Tuyên

M.S.D.N: 5700102341 CÔNG TY TRÁCH NHIỆM HỮU HẠN MỘT THÀNH VIÊN THỦY LỢI ĐÔNG TRIỀU QUẢNG NINH TP. ĐÔNG TRIỀU - T. QUẢNG NINH

UBND TỈNH QUẢNG NINH
SỞ TÀI CHÍNH

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Số: 6025/QĐ-STC

Quảng Ninh, ngày 14 tháng 11 năm 2024

QUYẾT ĐỊNH

Về việc phê duyệt quyết toán kinh phí đặt hàng cung cấp sản phẩm, dịch vụ công ích thủy lợi năm 2023 của Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn với Công ty TNHH MTV thủy lợi Đông Triều Quảng Ninh

GIÁM ĐỐC SỞ TÀI CHÍNH QUẢNG NINH

Căn cứ Luật tổ chức chính quyền địa phương ngày 19/6/2015; Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật tổ chức chính phủ và Luật tổ chức chính quyền địa phương ngày 22/11/2019;

Căn cứ Nghị định số 32/2019/NĐ-CP ngày 10/4/2019 của Chính phủ quy định giao nhiệm vụ, đặt hàng hoặc đấu thầu cung cấp sản phẩm, dịch vụ công sử dụng ngân sách nhà nước từ nguồn kinh phí chi thường xuyên;

Căn cứ Nghị định số 96/2018/NĐ-CP ngày 30/6/2018 của Chính phủ quy định chi tiết về giá sản phẩm, dịch vụ thủy lợi và hỗ trợ tiền sử dụng sản phẩm, dịch vụ công ích thủy lợi;

Căn cứ Quyết định của UBND tỉnh số 3972/QĐ-UBND ngày 21/12/2023 Quảng Ninh về việc phê duyệt phương án đặt hàng Công ty TNHH MTV thủy lợi Đông Triều quản lý, khai thác hệ thống công trình thủy lợi cung cấp sản phẩm, dịch vụ công ích thủy lợi năm 2023; số 3568/QĐ-UBND ngày 17/11/2023 Về việc quy định giá sản phẩm, dịch vụ công ích thủy lợi trên địa bàn tỉnh Quảng Ninh;

Căn cứ Quyết định của UBND tỉnh số 3638/QĐ-UBND ngày 12/12/2023 về việc giao dự toán thu ngân sách nhà nước, chi ngân sách nhà nước năm 2023;

Căn cứ của UBND tỉnh số Quyết định số 632/QĐ-UBND ngày 26/2/2021 về việc ủy quyền phê duyệt quyết toán kinh phí quản lý, khai thác công trình thủy lợi phục vụ tưới tiêu nước, cấp nước và quản lý công trình cấp nước tập trung nông thôn tập trung giao cho 03 Công ty TNHH MTV Thủy lợi quản lý; số 17/2022/QĐ-UBND ngày 31/05/2022 của Ủy ban nhân dân tỉnh Quảng Ninh về việc Quy định chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn và cơ cấu tổ chức của Sở Tài chính tỉnh Quảng Ninh;

Xét đề nghị của Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn tại Tờ trình số 2225/TTr-SNN&PTNT ngày 25/4/2024 về việc quyết toán kinh phí đặt hàng quản lý, khai thác hệ thống công trình thủy lợi cung cấp sản phẩm, dịch vụ công ích thủy lợi năm 2023 của Công ty TNHH MTV thủy lợi Đông Triều; Văn bản số 1098/LĐTBXH-CSLĐ ngày 23/4/2024 của Sở Lao động - Thương binh và Xã hội tham gia ý kiến đối với hồ sơ nghiệm thu quyết toán kinh phí đặt hàng dịch vụ công ích thủy lợi năm 2023 của Công ty TNHH MTV Thủy lợi Đông Triều

Quảng Ninh; Biên bản làm việc về việc thẩm tra số liệu quyết toán kinh phí đặt hàng công tác quản lý, khai thác hệ thống công trình thủy lợi cung cấp sản phẩm, dịch vụ công ích thủy lợi năm 2023 giữa Sở Tài Chính, Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn, Sở Lao động thương binh và Xã hội, Công ty TNHH MTV Thủy lợi Đông Triều Quảng Ninh họp ngày 24/10/2024 và Phiếu trình số: 96/TCDN ngày 13/11/2024 của Phòng Tài chính doanh nghiệp.

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Phê duyệt quyết toán kinh phí đặt hàng công tác quản lý, khai thác hệ thống công trình thủy lợi cung cấp sản phẩm, dịch vụ công ích thủy lợi năm 2023 giữa Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn với Công ty TNHH MTV Thủy lợi Đông Triều Quảng Ninh như sau:

1. Về quyết toán, thanh toán kinh phí đặt hàng:

- Kinh phí quyết toán đặt hàng năm 2023 là: **20.365.618.000** đồng;

- Kinh phí đã tạm cấp năm 2023 là: **19.527.300.000** đồng;

- Tổng kinh phí đặt hàng thủy lợi năm 2023 còn lại thanh toán cho Công ty TNHH MTV Thủy lợi Đông Triều Quảng Ninh là **838.318.000** đồng (*Bằng chữ: Tám trăm ba mươi tám triệu, ba trăm mười tám nghìn đồng chẵn*).

Nguồn kinh phí: Đề nghị UBND tỉnh Quảng Ninh phê duyệt cấp bổ sung kinh phí từ nguồn chi khác dự toán ngân sách tỉnh năm 2024 cho Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn để thanh quyết toán kinh phí đặt hàng sản phẩm, dịch vụ công ích thủy lợi năm 2023 cho Công ty TNHH MTV thủy lợi Đông Triều Quảng Ninh.

Điều 2. Trách nhiệm của các cơ quan, đơn vị:

1. Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn và Công ty TNHH MTV Thủy lợi Đông Triều Quảng Ninh chịu trách nhiệm trước pháp luật, Ủy ban nhân dân tỉnh Quảng Ninh và cơ quan thẩm tra số liệu quyết toán (Sở Tài chính) về tính pháp lý của hồ sơ quyết toán, tính đúng đắn của số liệu đề nghị quyết toán và nguồn thu khác năm 2023.

2. Sở Lao động, Thương binh và Xã hội chịu trách nhiệm về kết quả thẩm định các số liệu về thực hiện chế độ tiền lương, thù lao, tiền thưởng, phụ cấp trách nhiệm và quyền lợi khác đối với người lao động, người quản lý doanh nghiệp, kiểm soát viên và các đối tượng khác theo quy định hiện hành (nguồn kinh phí đặt hàng thủy lợi năm 2023).

3. Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn thực hiện quyết toán kinh phí đặt hàng cho Công ty TNHH MTV thủy lợi Đông Triều Quảng Ninh theo đúng quy định hiện hành.

4. Công ty TNHH MTV thủy lợi Đông Triều Quảng Ninh có trách nhiệm thực hiện việc hạch toán, thanh quyết toán các khoản phải thu, phải trả với các đơn vị, cá nhân theo đúng giá trị quyết toán được duyệt.

Điều 3. Giám đốc Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn, Giám đốc Sở Lao động, Thương binh và Xã hội; Chủ tịch Công ty TNHH MTV Thủy lợi Đông Triều Quảng Ninh, Giám đốc Kho bạc nhà nước tỉnh Quảng Ninh và Thủ trưởng các đơn vị có liên quan căn cứ Quyết định thi hành./.

KT.GIÁM ĐỐC
PHÓ GIÁM ĐỐC

SỞ TÀI CHÍNH

Mai Lê Hoa

Nơi nhận:
- UBND tỉnh (Để báo cáo);
- Các Sở: NN&PTNT; LĐ,TB&XH (Phối hợp);
- KBNN tỉnh Quảng Ninh (Để phối hợp);
- Công ty TNHH MTV Thủy lợi Đông Triều QN;
- Lưu: VT, QLNS, TCDN$_{NTTH}$

ỔNG HỢP KINH PHÍ NGHIỆM THU ĐẶT HÀNG NĂM 2023 CÔNG TY TNHH MTV THỦY LỢI ĐÔNG TRIỀU QUẢN

(Thực hiện nhiệm vụ quản lý vận hành, khai thác và bảo vệ công trình thủy lợi năm 2023)

(Đơn vị tính: Đồng)

TT	Nội dung các khoản mục chi phí	ĐVT	Phương án đặt hàng năm 2022 được UBND tỉnh phê duyệt	Hợp đồng đặt hàng số 27/2023/HĐ-KT ngày 22/12/2023		Giá trị Sở Tài chính quyết toán	Ghi chú
				Chưa thực hiện tiết giảm	Sau thực hiện tiết giảm		
1	*2*	*3*	*4*	*4*	*5*		*11*
A	**DIỆN TÍCH TƯỚI TIÊU**						
I	**Diện tích tưới tiêu:**	**Ha**	**10.237,857**	**10.117,069**	**10.117,069**	**10.081,279**	
1	Diện tích tưới, tiêu	Ha	6.368,673	6.247,885	6.247,885	6.212,095	Giảm diện tích do thu hồi đất làm khu dân cư
2	Diện tích tiêu	Ha	3.869,184	3.869,184	3.869,184	3.869,184	
II	**Diện tích tưới tiêu quy đổi ra lúa:**	**Ha**	**9.121,03**	**9.042,901**	**9.042,901**	**9.012,953**	
1	Diện tích tưới, tiêu	Ha	5.251,85	5.173,717	5.173,717	5.143,769	
2	Diện tích tiêu	Ha	3.869,18	3.869,184	3.869,184	3.869,184	
III	**Khối lượng cung cấp nước thô**	**m3**	**936,50**				
B	**TỔNG CHI PHÍ ĐẶT HÀNG.**	**Đồng**	**16.359.515.716**	**22.343.082.719**	**21.780.623.877**	**20.452.124.750**	**57.428.014**
I	**Chi phí trong Định mức KTKT:**	**Đồng**	**16.175.024.434**	**20.395.414.315**	**19.852.684.836**	**18.555.134.979**	**57.428.414**
1	Chi phí tiền lương, tiền công, tiền ăn giữa ca; các khoản phải nộp tính theo lương như: BHXH, BHYT, BHTN,	Đồng	10.415.088.338	13.702.730.000	13.702.730.000	12.625.058.178	173.402.920
1.1	*Chi phí tiền lương*	*Đồng*	*7.631.961.645*	*10.100.370.000*	*10.100.370.000*	*10.099.067.000*	173.402.963
1.2	*Chi phí bảo hiểm*	*Đồng*	*1.785.327.583*	*2.364.506.000*	*2.364.506.000*	*1.676.774.280*	(44)
1.3	*Chế độ Ăn ca*	*Đồng*	*733.244.383*	*793.879.000*	*793.879.000*	*721.637.860*	0
1.4	*Trực bão*	*Đồng*	*264.554.728*	*443.975.000*	*443.975.000*	*127.579.038*	0

TT	Nội dung các khoản mục chi phí	ĐVT	Phương án đặt hàng năm 2022 được UBND tỉnh phê duyệt	Hợp đồng đặt hàng số 27/2023/HĐ-KT ngày 22/12/2023		Giá trị Sở Tài chính quyết toán	Ghi chú
				Chưa thực hiện tiết giảm	Sau thực hiện tiết giảm		
2	Chi phí nguyên, nhiên vật liệu	Đồng	81.858.735	98.515.000	88.663.500	88.599.131	-
3	Chi phí tiền điện	Đồng	678.416.839	875.866.000	788.279.400	659.655.504	(1)
4	Chi phí bảo trì (Sửa chữa thường xuyên)	Đồng	2.735.983.000	2.722.789.000	2.450.510.100	2.446.904.195	-
5	Chi phí khấu hao tài sản cố định	Đồng	41.866.067	46.453.333	46.453.333	46.453.333	0
6	Chi phí quản lý doanh nghiệp	Đồng	1.307.119.745	1.730.124.789	1.557.112.310	1.556.911.314	(28.269.481)
7	Lợi nhuận dự kiến (đảm bảo trích lập hai quỹ phúc lợi và quỹ khen thưởng)	Đồng	914.691.711	1.218.936.193	1.218.936.193	1.131.553.324	(87.705.024)
7.1	*Đối với người lao động (NLĐ)*	*Đồng*	*836.084.686*	1.131.716.193	*1.131.716.193*	*1.131.553.324*	1.131.553.324
7.2	*Đối với Người quản lý công ty (NQLCT)*	*Đồng*	*78.607.025*	*87.220.000*	*87.220.000*		-
II	**Chi phí chưa tính trong định mức KTKT**		**184.491.283**	**1.947.668.404**	**1.927.939.041**	**1.896.989.771**	(400)
1	Kiểm định chất lượng nguồn nước tại các hồ chứa).	Đồng	105.527.363	197.293.633	177.564.270	173.580.000	-
2	Chi phí công tác bảo hộ	Đồng	78.963.920	145.080.000	145.080.000	136.505.000	-
3	Chi phí từ nguồn khấu hao	Đồng		1.605.294.771	1.605.294.771	1.586.904.771	(400)
-	Sửa chữa nâng cấp trạm bơm tưới Bình Lục, phường Hồng Phong, thị xã Đông Triều	đồng		1.480.000.000	1.480.000.000	1.461.610.000	(400)
-	Chi trả nguồn xây dựng các công trình khác và nhà quản lý Việt Dân còn thiếu năm 2020	đồng		125.294.771	125.294.771	125.294.771	-

TT	Nội dung các khoản mục chi phí	ĐVT	Phương án đặt hàng năm 2022 được UBND tỉnh phê duyệt	Hợp đồng đặt hàng số 27/2023/HĐ-KT ngày 22/12/2023		Giá trị Sở Tài chính quyết toán	Ghi chú
				Chưa thực hiện tiết giảm	Sau thực hiện tiết giảm		
C	**TIẾT KIỆM CHI PHÍ 10% (Chi phí Nguyên vật liệu; Tiền điện; Sửa chữa thường xuyên; Quản lý doanh nghiệp; Kiểm định chất lượng nước**		**490.890.568**	**562.458.842**			-
D	**DOANH THU DỰ KIẾN**	**Đồng**	**88.182.467**	**83.233.475**	**83.233.475**	**86.506.583**	(10.333.681)
1	Doanh thu từ các đối tượng không được NSNN hỗ trợ dịch vụ công ích thủy lợi	Đồng	88.182.467	83.233.475	83.233.475	80.127.683	(10.333.681)
2	Doanh thu từ hoạt động tài chính	Đồng				6.378.900	-
E	**KINH PHÍ SAU KHI TRỪ DOANH THU DỰ KIẾN (E = B-C-D)**	**Đồng**	**15.780.442.681**	**21.697.390.402**	**21.697.390.402**	**20.365.618.167**	67.761.695
F	**TỔNG KẾ HOẠCH TÀI CHÍNH DỰ KIẾN NGÂN SÁCH NHÀ NƯỚC CẤP NĂM 2023.**	**Đồng**	**7.432.825.598**	**21.697.390.402**	**21.697.390.402**	**20.365.618.167**	67.761.695
1	Kinh phí NSNN hỗ trợ sử dụng sản phẩm DVCI thủy lợi; trợ giá sản phẩm DVTL khác	Đồng	7.432.825.598	7.318.591.597	7.318.591.597		
-	Kinh phí hỗ trợ sản phẩm dịch vụ công ích thủy lợi	Đồng		7.318.591.597	7.318.591.597		
2	Kinh phí NSNN dự kiến cấp còn lại	Đồng	8.347.617.083	14.378.798.805	14.378.798.805		